TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày: 16/3/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thúy Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**

2. Ông **Trần Văn Thạch.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Chí Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.N.T.T sinh năm 1968; tại tỉnh BD; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 21/8 ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; con ông N.V.L (chết) và bà N.T.K; chồng: P.T.L và 05 người con; tiền án, tiền sự: Không có.

2.P.D.L sinh năm 1992; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: Số 21/8 ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 03/12; con ông P.T.L và bà N.T.T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

3.Đ.T.T, sinh năm 1988; tại TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp LĐ, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN; Chỗ ở hiện nay: ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: 02/12; con ông Đ.P.H và bà T.T.H; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

4.L.T.Đ, sinh năm 1992; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp LT, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN; chỗ ở hiện nay: ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN;

nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; con ông L.T.P và bà N.T.N.L; vợ: Đ.T.T.T và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

5.Đ.T.T.T, sinh năm 1996; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp LĐ, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN; chỗ ở hiện nay: ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 11/12; con ông Đ.P.H và bà T.T.H; chồng: L.T.Đ và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không có.

6.N.T.L sinh năm 1977; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 5, ấp TH, xã TM, huyện D.M.C, tỉnh TN; chỗ ở hiện nay: ấp TL, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn Tân và bà T.T.P; vợ: L.T.T.T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị tạm giữ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

7.N.T.N, sinh năm 1959; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số 06/4, ấp TTh, xã THo, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; con ông N.V.X (chết) và bà T.T.M (chết); chồng: V.N.T và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không có.

8.T.V.G, sinh năm 1983; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số 46/6, ấp TTh, xã THo, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Thợ lò đúc gan; trình độ học vấn: 06/12; con ông T.V.T và bà N.T.S; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

9.P.T.S, sinh năm 1976; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số 06/7, ấp TTh, xã THo, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; con ông P.V.K và bà N.T.T (chết); Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

10.Đ.T.C sinh năm 1982; tại tỉnh LA; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp TH, xã TH, Thị xã CL, tỉnh TG; chỗ ở hiện nay: ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; con ông Đ.V.T (chết) và bà T.T.B.T; Chồng: T.Q.H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không có.

11. N.N.S sinh năm 1964; tại tỉnh Cần Thơ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số 19/2B, ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 09/12; con ông N.V.H (chết) và bà N.T.L; vợ: Võ Thị Thu Vân và 02 người con; tiền án: Tại bản án số 17/2015/HSST ngày 25/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt N.N.S 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 09/01/2016 chấp hành xong hình phạt; tiền sự: Không có.

12. **P.C.D** sinh năm 1990; tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 21/8 ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN; chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, Thị trấn DT, huyện DT, tỉnh BD; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; con ông P.T.L và bà N.T.T; Vợ: N.T.N.M và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không có.

Các bị cáo tại ngoại và đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ ngày 01/8/2017, lực lượng Công an huyện HT phối hợp Công an xã TT, huyện HT tiến hành kiểm tra tại phía sau nhà N.T.T số 21/8 ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN bắt quả tang một sòng bạc với hình thức đánh bài bửu 04 lá thắng thua bằng tiền do P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.T.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S, P.C.D và một số đối tượng khác đã chạy thoát hiện chưa xác định được cùng tham gia đặt cược. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 12.555.000 đồng, 40 lá bài tây, 01 chiếc chiếu cùng một số vật chứng khác có liên quan. Thu trên người các đối tượng tổng cộng: 8.630.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 17 giờ ngày 31/7/2017, N.T.T cung cấp địa điểm, chiếu trải, đèn điện chiếu sáng, và mua bài (loại bài tây 52 lá) giao cho P.T.Ha (tự Tám Bò) sinh năm 1978, ngụ ấp TP, xã TT, huyện HT, TN làm cái cho những đối tượng nêu trên đánh bạc để thu tiền xâu từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng mỗi khi nhà cái bão (cái thắng hết). Cụ thể, từ chiều ngày 31/7/2017 đến khi bị bắt quả tang, Tốt đã thu tiền xâu được 180.000 đồng.

Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận số tiền của mỗi người mang theo để tham gia đánh bạc đến khi bị bắt thắng, thua cụ thể như sau:

- P.D.L mang theo 2.580.000 đồng, tham gia đặt cược mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, thắng 200.000 đồng.

- Đ.T.T mang theo 1.500.000 đồng tham gia đặt cược 02 tụ, mỗi tụ đặt 100.000 đồng, thắng 700.000 đồng.

- L.T.Đ cùng vợ Đ.T.T.T mang theo 2.000.000 đồng, tham gia đặt cược mỗi ván đặt 200.000 đồng, thắng 200.000 đồng.

- N.T.L mang theo 1.220.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, thua 200.000 đồng.

- N.T.N mang theo 1.220.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván 50.000 đồng, thua 200.000 đồng.

- T.V.G mang theo 800.000 đồng tham gia cùng tụ cái, thua 590.000 đồng.

- P.T.S mang theo 400.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, thắng 100.000 đồng.

- Đ.T.C mang theo 350.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, thua 300.000 đồng.

- P.C.D mang theo 100.000 đồng tham gia đặt cược chung tụ của N.N.S mỗi ván 50.000 đồng, thua 100.000 đồng.

- N.N.S mang theo 250.000 đồng tham gia đặt cược mỗi ván 50.000 đồng, chung tụ với P.C.D chưa thắng thua thì bị bắt.

Đối với hành vi của P.T.Ha, (tự Tám Bò) đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với những người tham gia đánh bạc đã chạy thoát khi bị bắt quả tang, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 05/QĐ/KSĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HT đã truy tố bị cáo N.T.T về tội "Gá bạc", theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999; Các bị cáo P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S và P.C.D về tội "Đánh bạc", theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N.T.T về tội "Gá bạc", theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Các bị cáo P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S và P.C.D về tội "Đánh bạc", theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.T.T số tiền 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.N.S mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.T.L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo Đ.T.T.T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo P.T.S mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo L.T.Đ mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

-Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

+Xử phạt bị cáo P.D.L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

+Xử phạt bị cáo Đ.T.T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+Xử phạt bị cáo N.T.N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo T.V.G mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Đ.T.C mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo P.C.D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt sổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều ăn năn, hối cãi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HT, tỉnh TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do dó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào lúc 01 giờ ngày 01/8/2017, bị cáo N.T.T đã cung cấp chiếu trải, bộ bài tây, đèn chiếu sáng tại nhà cho các bị cáo P.D.L,

Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S, P.C.D tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài bửu 04 lá, bị cáo Tốt là người trực tiếp thu tiền xâu được 180.000 đồng, trong đó số tiền các bị cáo mang theo trong người dùng vào việc đánh bạc và số tiền thắng thua có được. Cụ thể thu bị cáo L 2.780.000 đồng; bị cáo L 1.020.000 đồng; bị cáo N 1.020.000 đồng; bị cáo G 210.000 đồng; bị cáo Đức 2.200.000 đồng; bị cáo N.N.S 1.400.000 đồng; thu tại chiếu bạc là 12.555.000 đồng.

Các bị cáo bị Công an huyện HT TN lập biên bản phạm tội quả tang. Tại phiên tòa các bị cáo đều xác nhận số tiền thu giữ trong người mục đích dùng vào việc đánh bạc và số tiền thắng thua trong việc đánh bạc có được.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo N.T.T phạm tội "Gá bạc", tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S và P.C.D phạm tội "Đánh bạc", tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi, gá bạc và đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những làm gia tăng tệ nạn cờ bạc trong cộng đồng dân cư mà còn ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của nhiều gia đình khi có con em, người thân đam mê cờ bạc và cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo N.T.T tiền án, tiền sự không có, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có tài sản chung với chồng P.T.L phần đất diện tích 171m^2 tọa lạc ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh TN nên áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Đối với bị cáo N.N.S, bị cáo đã từng bị kết án 03 lần và có 01 bản án phạm tội chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải nên áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người tốt.

Đối với bị cáo L tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, có án tích vào năm 2009 về tội đánh bạc, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo L, T, Đ đem theo số tiền đánh bạc nhiều, số lần tham gia đánh bạc và số tiền đặt cược nhiều nên bị các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T, N.T.S, C, G, N, D. Các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cãi, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo Đ và P.T.S là bội đội xuất ngũ, bị cáo T đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho 03 bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho UBND nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo trở thành người tốt. Ngoài ra các bị cáo hiện không có tài sản và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với tất cả các bị cáo.

[4] Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam 21.185.000 đồng (hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền thu tại chiếu bạc là 12.555.000 đồng và thu giữ trên người bị cáo N.T.L số tiền 1.020.000 đồng, N.T.N số tiền 1.020.000 đồng, T.V.G số tiền 210.000 đồng, P.D.L số tiền 2.780.000 đồng, L.T.Đ số tiền 2.200.000 đồng, N.N.S số tiền 1.400.000 là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với các vật chứng sau đây dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu (đã qua sử dụng); 40 (bốn mươi) lá bài tây đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh, số ImeiI 1: 353697072300326; số ImeiI 2: 353697072300334; đã qua sử dụng là của bị cáo L không dùng vào việc phạm tội nên trả cho bị cáo L.

- 01 xe mô tô biển số 60HB-1708, số máy HC09E0124418 số máy, số khung bị đục sửa không xác định nguyên thủy nên giao Công an huyện HT, tỉnh TN giải quyết theo thẩm quyền.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N.T.T phạm tội "Gá bạc", các bị cáo P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S và P.C.D phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.T.T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải thi hành số tiền nêu trên một lần trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa thi hành, thì hàng tháng bị cáo còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.N.S 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N.T.L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 là 9 ngày giam giữ thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo Đ.T.T.T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo P.T.S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo L.T.Đ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 là 9 ngày giam giữ thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 03 ngày. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

-Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo P.D.L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/20172017 là 9 ngày giam giữ thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 03 ngày.

Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Đ.T.T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/8/2017 đến ngày 09/8/2017 là 9 ngày giam giữ thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 03 ngày. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo N.T.N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo T.V.G 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Đ.T.C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo P.C.D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập và miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Tuyên giao các bị cáo: P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, Đ.T.C, và P.C.D cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HT, tỉnh TN giám sát, giáo dục, các bị cáo: N.T.N, T.V.G, P.T.S cho Ủy ban nhân dân xã THo, huyện HT, tỉnh TN giám sát, giáo dục.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu số tiền Việt Nam 21.185.000 đồng (hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó tiền thu tại chiếu bạc là 12.555.000 đồng và tiền thu giữ trên người bị cáo N.T.L số tiền 1.020.000 đồng, N.T.N số tiền 1.020.000 đồng, T.V.G số tiền 210.000 đồng, P.D.L số tiền 2.780.000 đồng, L.T.Đ số tiền 2.200.000 đồng, N.N.S số tiền 1.400.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếc chiếu (đã qua sử dụng);

+ 40 (bốn mươi) lá bài tây đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Lợi: 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh, số ImeiI 1: 353697072300326; số ImeiI 2: 353697072300334 đã qua sử dụng.

Giao Công an huyện HT, tỉnh TN giải quyết theo thẩm quyền 01 xe mô tô biển số 60HB-1708, số máy HC09E0124418.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo N.T.T, P.D.L, Đ.T.T, L.T.Đ, Đ.T.T.T, N.T.L, N.T.N, T.V.G, P.T.S, Đ.T.C, N.N.S và P.C.D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Hằng

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh.
-VKSND tỉnh Tây Ninh.
-Công an tỉnh Tây Ninh
-VKSND huyện Hòa Thành.
-Công an huyện Hòa Thành.
-Cơ quan THA ds huyện Hòa Thành
-Sở tư pháp Tây Ninh
-Bị cáo.
-Lưu hồ sơ vụ án.
-Lưu tập án.